

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2016/HSPT.

Ngày : 12/12/2016.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Lan.

Ông Nguyễn Ngọc Ân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Bùi Văn Phước –
Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 177/TLPT-HS ngày 07/11/2016, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng là người có quyền lợi liên quan bà Huỳnh Kim C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Bị cáo: **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1983; Nơi ĐKKHKT và trú tại: số X1, chung cư T, Phường M, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1949 và bà Hà Thị C, sinh năm 1949; Vợ: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1983; Con: có 02 người con sinh năm 2011 và 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trần Văn T, sinh năm 1945 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Huỳnh Kim C, sinh năm 1945. Địa chỉ: số X2 đường T, Khu phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. (Có mặt)

Bị đơn dân sự: Công ty TNHH TM DV L.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn dân sự: ông Trần Công O, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số X3, đường T2, Khu phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Minh H, bà Trần Kim O, ông Trần Minh N, bà Trần Kim T không kháng cáo, kháng nghị không triệu tập đến tòa.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện CD và bản án của Tòa án nhân dân huyện CD nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/4/2016, Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, có giấy phép lái xe hạng C, điều khiển xe ô tô tải biển số 62C-02020 chở cám nguyên liệu lưu thông trên tuyến đường Tỉnh lộ 830B, theo hướng từ thị trấn B đi xã C. Khi đến đoạn đường cong khu vực gần trụ điện số X4, thuộc Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An, mặt đường rộng 12m, có vạch sơn liên tục để phân chia làn đường. Theo hướng đi của xe ô tô 62C-02020 thì làn bên phải rộng 5,8m, làn bên trái rộng 6,20m. D điều khiển xe ô tô lưu thông lấn sang làn đường cho xe lưu thông hướng ngược lại dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 59M1-465.47 do ông Trần Văn T, sinh năm 1945 điều khiển lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả ông T bị chấn thương và tử vong.

Sau khi sự việc xảy ra, các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và kết quả khám nghiệm, đo đạc thì xác định khu vực va chạm của 02 xe nằm hoàn toàn bên phần đường dành cho xe mô tô 59M1-465.47 lưu thông.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 123 ngày 10/5/2016 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Long An kết luận ông Trần Văn T bị tử vong do đa chấn thương.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1, Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn D **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 5, Điều 202 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo Nguyễn Văn D hành nghề lái xe ô tô tải 01 năm, thời gian cấm hành nghề lái xe ô tô tải được tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 610, 623 Bộ luật dân sự, buộc Công ty TNHH TM DV L và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn D liên đới bồi thường tổn thất tinh thần 15.000.000 đồng cho bà Huỳnh Kim C. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 07/10/2016, người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng là người có quyền lợi liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm theo hướng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo và yêu cầu Công ty TNHH TM DV L bồi thường tổn thất về tinh thần 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận hành vi của bị cáo đúng như án sơ thẩm đã nêu, bị cáo điều khiển phương tiện giao thông vi phạm luật an toàn giao thông đường bộ là điều khiển phương tiện giao thông không đúng làn đường theo quy định dẫn đến tai nạn xảy ra, Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng không oan. Bị cáo và chủ xe đã bồi thường cho gia đình người bị hại 125.000.000 đồng và sửa xe của người bị hại 7.920.000 đồng. Bị cáo đồng ý liên đới bồi thường khoản tổn thất về tinh thần 60.000.000 đồng cho bà C nhưng yêu cầu khấu trừ 45.000.000 đồng trong số tiền bà C đã nhận do bà C mới chi mai táng của ông T 80.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng như án sơ thẩm. Theo yêu cầu kháng cáo của bà C và yêu cầu của bà C tại phiên tòa là yêu cầu tăng thêm tiền chi phí mai táng và cúng tuần cho ông T là 20.000.000 đồng bị cáo đồng ý một phần theo yêu cầu của bà C là 10.000.000 đồng khấu trừ vào số tiền ứng trước còn lại là 35.000.000 đồng trừ 60.000.000 đồng bồi thường tổn thất tinh thần như đã thống nhất tại tòa sơ thẩm còn lại 25.000.000 đồng bị cáo đồng ý tiếp cho bà C.

Đại diện hợp pháp của người bị hại, cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà C trình bày: Bà là vợ của ông T, vợ chồng bà có 04 người con đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Vợ chồng bà chung sống cùng người cháu ruột 11 tuổi do cha mẹ cháu ly hôn. Trước khi ông T chết, bà làm nghề bán bánh mì, khi ông T chết thì bà không bán nữa vì không có ai đẩy xe ra chợ. Sau khi ông T chết, bị cáo D có đến thăm viếng và bồi thường cho gia đình bà 125.000.000 đồng, chi phí sửa chữa xe mô tô 7.920.000 đồng. Nay về trách nhiệm dân sự bà yêu cầu Công ty TNHH TM DV L và bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần 60.000.000 đồng, số tiền 45.000.000 đồng trong số tiền bà C đã nhận do số tiền này đã chi hết cho những khoản không có hóa đơn chứng từ như chi cúng thất 07 lần, cúng 100 ngày; tại phiên tòa bà yêu cầu phần cúng thất cho ông T là 20.000.000 đồng bị cáo và Đại diện công ty TNHH TM DV L đồng ý 10.000.000 đồng còn phải tiếp tục bồi thường tổn thất tinh thần là 25.000.000 đồng bà cũng đồng ý; Về trách nhiệm hình sự, bà xin giảm nhẹ cho bị cáo D được hưởng án treo.

Bị đơn dân sự Công ty TNHH TM DV L do ông O là người đại diện theo pháp luật trình bày: D là tài xế xe tải làm thuê cho Công ty TNHH TM DV L

khoảng 01 tháng trước khi xảy ra tai nạn. Xe ô tô có hư hỏng nhưng Công ty không yêu cầu D bồi thường chi phí sửa chữa, không yêu cầu D bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời gian xe bị tạm giữ phục vụ điều tra. Công ty đã bồi thường cho gia đình người bị hại 100.000.000 đồng và 7.920.000 đồng chi phí sửa chữa xe mô tô, D đã có bồi thường 25.000.000 đồng. Theo bà C xác định tại tòa sơ thẩm chi phí mai táng cho ông T là 80.000.000 đồng còn lại 45.000.000 đồng, bà C đồng ý số tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần là 60.000.000 đồng. Phần 45.000.000 đồng còn thừa nên án sơ thẩm xét xử khấu trừ buộc Công ty liên đới cùng D bồi thường phần tiền tổn thất tinh thần còn lại là 15.000.000 đồng vì bà C cho là chi cúng thất cho ông T nhưng không có chứng cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm D có đồng ý Chi phí cúng thất là 10.000.000 đồng nên số tiền tổn thất tinh thần còn phải tiếp tục bồi thường là 25.000.000 đồng. Đại diện công ty ông O cũng đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng không oan. Đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo cho bị cáo, xét thấy mức án 09 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất nguy hiểm và hậu quả của hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Về phần trách nhiệm dân sự: xét thấy các khoản chi cúng thất 07 lần, cúng 100 ngày như bà C trình bày là những khoản chi pháp luật không có quy định, không được bị cáo và bị đơn dân sự đồng ý bồi thường, không có hóa đơn chứng từ hợp lệ nên án sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, nên việc khấu trừ số tiền 45.000.000 đồng vào số tiền bồi thường tổn thất tinh thần như bản án sơ thẩm xác định là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa Công ty TNHH TM DV L, bị cáo D và bà C đại diện theo pháp luật cho bị hại là ông T có thống nhất thêm khoản chi phí cúng thất cho ông T là 10.000.000 đồng sau khi khấu trừ bị cáo và Công ty còn phải liên đới bồi thường tiếp tổn thất về tinh thần cho bà C 25.000.000 đồng, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và bị đơn dân sự với đại diện bị hại là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội nên có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự, không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; Chấp nhận một phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự của người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình sự, cải sửa một phần về tiền bồi thường thiệt hại và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Về hình thức: Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Huỳnh Kim C thực hiện đúng quy định tại Điều 231, 233 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/4/2016, Nguyễn Văn D có giấy phép lái xe hạng C làm thuê cho Công ty TNHH TM DV L, điều khiển xe ô tô tải biển số 62C-02020 của Công ty chở cám nguyên liệu lưu thông trên tuyến đường Tỉnh lộ 830B, theo hướng từ thị trấn B đi xã C. Khi đến đoạn đường cong khu vực gần trụ điện số X4, thuộc Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, D điều khiển xe lần qua phần đường bên trái theo chiều lưu thông của mình thì va chạm với xe mô tô biển số 59M1-465.47 do ông Trần Văn T điều khiển đang lưu thông theo chiều ngược lại; hậu quả làm ông T tử vong tại chỗ. Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 123 ngày 10/5/2016 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Long An kết luận ông Trần Văn T bị tử vong do đa chấn thương.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong lúc điều khiển phương tiện có nguồn nguy hiểm cao độ mà không chấp hành luật giao thông đường bộ, Tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định: *“Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định...”*. Bị cáo đã điều khiển phương tiện giao thông không đúng phần đường quy định lấn sang làn đường cho xe lưu thông hướng ngược lại đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, tước đi tính mạng của một người cụ thể là ông Trần Văn T, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật không oan.

Bị cáo không kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, Đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xin cho bị cáo hưởng án treo và kháng cáo tăng tiền bồi thường thiệt hại tinh thần.

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Huỳnh Kim C thấy rằng:

Về phần kháng cáo trách nhiệm hình sự:

Về hình phạt: Trong khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân lao động, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; gia đình người bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp với tính chất và hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra. Đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng

không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của đại diện hợp pháp của bị hại.

Về yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo: Bị cáo phạm tội gây hậu quả chết người, lỗi hoàn toàn do bị cáo nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo.

Về phần kháng cáo trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, bị đơn dân sự đã xác định sửa chữa xe mô tô và đã trả lại xe cho gia đình người bị hại nhận số tiền sửa chữa 7.920.000 đồng; các bên thỏa thuận thống nhất khoản chi phí này nên không đề cập.

Ngoài ra, bị cáo, bị đơn dân sự đã giao cho bà C nhận số tiền 125.000.000 đồng, trong đó các bên thống nhất khoản chi phí mai táng 80.000.000 đồng nên án sơ thẩm không đề cập khoản chi phí mai táng. Còn lại 45.000.000 đồng phía bà C nêu đã chi vào những khoản không có hóa đơn chứng từ như cúng thất, cúng 100 ngày nên không đồng ý khấu trừ nữa mà yêu cầu bị cáo và bị đơn dân sự liên đới bồi thường tổn thất về tinh thần 60.000.000 đồng; phía bị cáo và bị đơn dân sự yêu cầu khấu trừ 45.000.000 đồng này vào tiền tổn thất về tinh thần, bị đơn dân sự không đồng ý bồi thường tiếp, bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường tiếp tiền tổn thất về tinh thần cho bà C 15.000.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 60.000.000 đồng như phía bị hại yêu cầu và được khấu trừ số tiền mà phía bị cáo và bị đơn dân sự đã giao còn lại tiếp tục bồi thường là 15.000.000 đồng. Bà C đại diện theo pháp luật của bị hại không đồng ý án sơ thẩm kháng cáo yêu cầu phía bị đơn dân sự phải bồi thường tiếp tổn thất tinh thần là 60.000.000 đồng vì cho là số tiền thừa sau khi khấu trừ tiền sửa xe và tai nạn mà các bên thỏa thuận tại tòa sơ thẩm bà C đã chi cúng thất hết.

Xét thấy yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần của bà C là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bị đơn dân sự không đồng ý bồi thường, căn cứ Điều 610, 623 Bộ luật dân sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải có trách nhiệm bồi thường nên án sơ thẩm buộc Công ty TNHH TM DV L phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho bà C là có căn cứ; bị cáo tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho bà C là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội nên án sơ thẩm buộc bị cáo D và Công ty TNHH TM DV L liên đới bồi thường tổn thất tinh thần cho bà C là có căn cứ.

Về số tiền bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần bị cáo, bị đơn dân sự và đại diện theo pháp luật của bị hại thống nhất về số tiền bồi thường là 60.000.000 đồng nhưng không thống nhất việc khấu trừ 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy các khoản chi cúng thất 07 lần, cúng 100 ngày như bà C trình bày là những khoản chi pháp luật không có quy định, không được bị cáo và bị đơn dân sự đồng ý bồi thường, không có hóa đơn chứng từ hợp lệ nên án sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, án sơ

thẩm chấp nhận khấu trừ số tiền 45.000.000 đồng này vào số tiền bồi thường tổn thất tinh thần nên án sơ thẩm buộc Công ty TNHH TM DV L và bị cáo D còn phải liên đới tiếp tục bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà C 15.000.000 đồng là phù hợp.

Tuy nhiên tại phiên tòa Phúc thẩm hôm nay Công ty TNHH TM DV L do ông O đại diện theo pháp luật, bị cáo D và bà C đại diện hợp pháp cho bị hại là ông T đã thống nhất thêm khoản chi phí cúng thất cho ông T là 10.000.000 đồng sau khi khấu trừ số tiền còn thừa là 45.000.000 đồng còn lại 35.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền bồi thường tổn thất tinh thần mà các bên thống nhất tại tòa sơ thẩm là 60.000.000 đồng còn lại 25.000.000 đồng; Bị cáo, ông O đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM DV L và bà C đại diện hợp pháp của bị hại T thống nhất bị cáo và Công ty TNHH TM DV L còn phải liên đới bồi thường tiếp tổn thất về tinh thần cho bà C là 25.000.000 đồng, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và bị đơn dân sự với đại diện bị hại là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bà C đại diện hợp pháp của bị hại.

Qua nhận xét trên đây Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn D; Chấp nhận kháng cáo về trách nhiệm dân sự của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Huỳnh Kim C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự; Cải sửa một phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của bản án Hình sự sơ thẩm số 31/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Toà án nhân dân huyện C.

Bị cáo Nguyễn Văn D và đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Huỳnh Kim C; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D theo bản án hình sự sơ thẩm số 31/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Toà án nhân dân huyện C.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Huỳnh Kim C; Cải sửa một phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm của bản án hình sự sơ thẩm số 31/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Toà án nhân dân huyện C.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng Khoản 1, Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 610, 623 Bộ luật dân sự, buộc Công ty TNHH TM DV L và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn D liên đới bồi thường tổn thất tinh thần 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho bà Huỳnh Kim C.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH TM DV L và bị cáo D liên đới nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không phải nộp án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM (1);
- VKSNDCC tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- C cục THADS huyện (1);
- Công an huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại (1);
- Bị đơn dân sự (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Nhậm